

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo
ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thành Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế số 60/QC-ĐHTĐ ngày 19/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thành Đông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ kết quả rà soát chương trình đào tạo năm 2022 của Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học của Trường Đại học Thành Đông (Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2022 - 2023 tại Trường Đại học Thành Đông.

Điều 3. Trưởng Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS,TS. Lê Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC (Theo hệ thống tín chỉ)

(Ban hành kèm theo quyết định số: 372/QĐ-ĐHTĐ ngày 05 tháng 10 năm 202 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)

STT	Mã MH	Học phần	Đại học					Môn tiên quyết/Mã MH	Ghi chú
			TC	Số tiết			Kỳ		
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
1 Khối kiến thức đại cương			33						
1	PML0031	Triết học Mác - Lênin	3	45			Kỳ 1		
2	EML0031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			Kỳ 2	PML0031	
3	SSO0031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			Kỳ 3	EML0031	
4	HTH0031	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			Kỳ 4	SSO0031	
5	HIS0031	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			Kỳ 5	HTH0031	
6	GRL0231	Luật đầu tư thương mại(Một số định chế phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại)	2	25	10	60	Kỳ 2		
7	BE10031	Tiếng Anh cơ bản 1	4	30	30	90	Kỳ 1		
8	BE20031	Tiếng Anh cơ bản 2	4	30	30	90	Kỳ 2	SME0031	
9	BE30031	Tiếng Anh cơ bản 3	4	30	30	90	Kỳ 3	PHE0031	
10	IFT0031	Tin học	2	15	15	60	Kỳ 1		
11	SSK0031	Kỹ năng mềm	2	20	20	60	Kỳ 4		
12	DID0031	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản	2	20	20		Kỳ 4		
13	NNT 12	Khởi nghiệp	2	20	20		Kỳ 4		
14	PE10031	Giáo dục thể chất 1	2	20	20	60	Kỳ 1		
15	PE20031	Giáo dục thể chất 2	2	20	20	60	Kỳ 2	PE10031	
16	PE30031	Giáo dục thể chất 3	2	20	20	60	Kỳ 3	PE20031	
17	ME10031	Giáo dục quốc phòng	2	20	20	60	Kỳ 1		
2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH									
2.1. Kiến thức cơ sở ngành:			10						
	Bắt buộc								
18	NNT 10	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				Kỳ 3		
19	NNT 11	Ngôn ngữ học đối chiếu	2				Kỳ 3	NNT 18	
20	NNT 13	Hướng dẫn du lịch Việt Nam	2				Kỳ 6	NNT 35	
21	NNT 14	Ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc	2				Kỳ 6	NNT 24	
22	NNT 15	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	2				Kỳ 6	NNT 22	
2.2. Kiến thức ngành:			74						
	Bắt buộc								
23	NNT 20	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4				Kỳ 1		
24	NNT 21	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4				Kỳ 2	NTT 20	
25	NNT 22	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4				Kỳ 3	NNT 21	
26	NNT 23	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4				Kỳ 4	NNT 22	
27	NNT 24	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4				Kỳ 5	NNT 23	
28	NNT 25	Nghe nói tiếng Trung Quốc 1	2				Kỳ 1		
29	NNT 26	Nghe nói tiếng Trung Quốc 2	2				Kỳ 2	NNT 25	

STT	Mã MH	Học phần	Đại học				Kỳ	Môn tiên quyết/Mã MH	Ghi chú
			TC	Số tiết					
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
30	NNT 27	Nghe nói tiếng Trung Quốc 3	2				Kỳ 3	NNT 26	
31	NNT 28	Nghe nói tiếng Trung Quốc 4	2				Kỳ 4	NNT 27	
32	NNT 29	Nghe nói tiếng Trung Quốc 5	2				Kỳ 5	NNT 28	
33	NNT 30	Đọc viết tiếng Trung Quốc 1	2				Kỳ 1		
34	NNT 31	Đọc viết tiếng Trung Quốc 2	2				Kỳ 2	NNT 30	
35	NNT 32	Đọc viết tiếng Trung Quốc 3	2				Kỳ 3	NNT 31	
36	NNT 33	Đọc viết tiếng Trung Quốc 4	2				Kỳ 4	NNT 32	
37	NNT 34	Đọc viết tiếng Trung Quốc 5	2				Kỳ 5	NNT 33	
38	NNT 35	Tiếng Trung du lịch	2				Kỳ 4	NNT 27	
39	NNT 36	Tiếng Trung trong khách sạn nhà hàng	3				Kỳ 6	NNT 26	
40	NNT 37	Tiếng Trung văn phòng	3				Kỳ 6	NNT 23	
41	NNT 38	Dịch viết 1 (TH dịch Trung Việt 1)	3				Kỳ 4	NNT 34	
42	NNT 39	Dịch viết 2 (TH dịch Trung Việt 2)	3				Kỳ 5	NNT 38	
43	NNT 40	Dịch nói 1 (TH dịch Việt Trung 1)	3				Kỳ 5	NNT 29	
44	NNT 41	Dịch nói 2 (TH dịch Việt Trung 2)	3				Kỳ 6	NNT 40	
45	NNT 42	Tiếng Trung Quốc thương mại 1	3				Kỳ 5	NNT 29	
46	NNT 43	Tiếng Trung Quốc thương mại 2	3				Kỳ 6	NNT 42	
47	NNT 44	Kỹ năng biên dịch	2				Kỳ 6	NNT 33	
48	NNT 45	Kỹ năng phiên dịch	2				Kỳ 6	NNT 28	
49	NNT 46	Khẩu ngữ 1	2				Kỳ 5	NNT 29	
50	NNT 47	Khẩu ngữ 2	2				Kỳ 6	NNT 46	
2.3 THỰC TẬP			4					Tích lũy đủ 117	
51	NNT 51	Thực tập	4				Kỳ 7		
2.4 KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ HỌC PHẦN THAY THẾ			6					Tích lũy đủ 121 tín chỉ	
2.4.1 Khóa luận tốt nghiệp			6						
52	NNT 52	Khóa luận tốt nghiệp	6				Kỳ 7		
2.4.2 Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
53	NNT 53	Hợp đồng thư tín thương mại	3				Kỳ 7		
54	NNT 54	Kỹ năng thuyết trình	3				Kỳ 7		
Tổng số:			127						

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU
 HIỆU TRƯỞNG

 PGS.TS. LÊ VĂN HÙNG

KHOA NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
 TRƯỞNG KHOA


 TS. Nguyễn Thùy Vân